

Q32(1-24) 0-18

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TIẾN DĨNH

HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN  
NGOẠI THÀNH HÀ NỘI THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

9792  
THU VIÊN  
QUỐC GIA

CHUYÊN NGÀNH: *Kinh tế, quản lý và kế hoạch hoá kinh tế quốc dân*

MÃ SỐ: 5.02.05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2003

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH**  
**TẠI HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**Người hướng dẫn khoa học:**

- 1. PGS.TS. NGÔ QUANG MINH**
- 2. TS. LƯƠNG XUÂN KHAI**

**Phản biện 1: GS.TSKH. LÊ DU PHONG**

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội*

**Phản biện 2: GS.TS. TÔ XUÂN DÁN**

*Viện nghiên cứu phát triển KT - XH Hà Nội.*

**Phản biện 3: TS. NGUYỄN ĐÌNH LONG**

*Viện Kinh tế nông nghiệp - Bộ NN và PTNT*

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước,  
họp tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

vào hồi 8 giờ 00 ngày 06 tháng 12 năm 2003

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia và  
Thư viện Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Ở Hà Nội, mặc dù nông nghiệp chỉ chiếm tỷ trọng dưới 3% GDP, nhưng ngoại thành với hơn 90% diện tích đất tự nhiên; số dân trên 13 triệu người, chiếm hơn 46% dân số toàn thành nên nông nghiệp, nông thôn (NN, NT) ngoại thành có vị trí đặc biệt trong sự phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị và đảm bảo môi trường sinh thái cho thành phố. Vì vậy, những năm qua thành phố đã coi trọng xây dựng, ban hành các chính sách để thúc đẩy NN, NT phát triển và đạt được thành tựu khá toàn diện.

Tuy nhiên, NN, NT ngoại thành Hà Nội còn bộc lộ nhiều hạn chế, như: tăng trưởng kinh tế chưa ổn định; tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và sản xuất hàng hoá chậm so với yêu cầu và lợi thế của Thủ đô; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (KT - XH) trong NN, NT chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH). Trong khi đó, với vị trí đô thị lớn, Thủ đô của cả nước, yêu cầu Hà Nội phải *"Phát triển NN và kinh tế' ngoại thành theo hướng NN đô thị, sinh thái. Thủ đô Hà Nội phải đi đầu trong CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.* Những yêu cầu trên đã và đang có nhiều vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý nhà nước của thành phố phải giải quyết mà trước hết là xây dựng và hoàn thiện các chính sách kinh tế để thúc đẩy NN, NT ngoại thành phát triển.

Vì vậy, để góp phần giải quyết vấn đề trên, chúng tôi thực hiện luận án: *"Hoàn thiện các chính sách kinh tế phát triển nông nghiệp, nông thôn ngoại thành Hà Nội theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá "*.

## 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Đã có nhiều tác giả nghiên cứu về vai trò Nhà nước đối với NN và hỗ trợ cho hộ nông dân phát triển sản xuất, như: đầu tư hỗ trợ của Nhà nước cho người dân phát triển kinh tế hộ gia đình của TS. Nguyễn Hữu Đạt; chính sách kinh tế và vai trò của nó đối với phát triển kinh tế NN , NT Việt Nam của TS. Nguyễn Văn Bích và TS. Chu Tiến Quang...

Tuy nhiên, ở Hà Nội chưa có một tác giả nào đi sâu nghiên cứu vai trò quản lý nhà nước đối với NN thời kỳ CNH, HĐH; nhất là các chính sách kinh tế phát triển NN, NT ngoại thành theo hướng CNH, HĐH dưới dạng một luận án khoa học.

## 3. Mục đích và nhiệm vụ của luận án

### ***3.1 Mục đích***

Luận án nghiên cứu, đề xuất bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các chính sách kinh tế chủ yếu tạo thành hệ thống các chính sách kinh tế thúc đẩy kinh tế NN, NT ngoại thành Hà Nội phát triển theo hướng NN đô thị sinh thái; thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

### ***3.2 Nhiệm vụ***

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về chính sách kinh tế.
- Đánh giá thực trạng tác động của các chính sách kinh tế đến NN, NT ngoại thành những năm qua và vấn đề đặt ra để đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH, xây dựng nền nông nghiệp đô thị, sinh thái Thủ đô.
- Đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống chính sách kinh tế phát triển NN, ngoại thành Hà Nội theo hướng CNH, HĐH đến 2010.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Luận án tập trung nghiên cứu 6 chính sách kinh tế chủ yếu phát triển kinh tế NN, NT ngoại thành Hà Nội theo hướng CNH, HĐH.

Ngoại thành Hà Nội được xác định bao gồm 5 huyện của thành phố. Giải pháp về chính sách kinh tế được đề xuất tập trung phục vụ phát triển kinh tế NN là chủ yếu. Các chính sách kinh tế NN, NT được nghiên cứu từ khi đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

## **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

### ***5.1. Cơ sở lý luận***

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước ta qua các thời kỳ, gắn với những lý thuyết của kinh tế học hiện đại.

### ***5.2. Phương pháp nghiên cứu***

Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, kết hợp giữa logic và lịch sử, toàn diện và cụ thể.

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế truyền thống như: tổng hợp, thống kê, phân tích: so sánh, đối chiếu, chuyên gia và hệ thống hoá.

## **6. Những đóng góp mới của luận án**

Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về chính sách kinh tế. Rút ra bài học trong hoạch định và thực thi chính sách kinh tế phát triển NN, NT từ nghiên cứu kinh nghiệm trong và ngoài nước.

Xác định mục tiêu, nội dung cơ bản CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn ngoại thành và phát triển nền NN đô thị, sinh thái Thủ đô những năm tới.

Đánh giá thực trạng tác động của những chính sách kinh tế đến NN, NT từ khi đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và những hạn chế cần hoàn thiện.

Đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống chính sách kinh tế phát triển NN, NT ngoại thành Hà Nội theo hướng CNH, HĐH đến 2010.

## **7. Kết cấu của luận án**

Luận án bao gồm 3 chương, ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo.

# **NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬN ÁN**

## **CHƯƠNG 1**

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CNH, HĐH**

#### **1.1. Những quan niệm về phát triển NN, NT trong phát triển kinh tế - xã hội**

##### ***1.1.1. Các lý thuyết kinh tế về vai trò nông nghiệp***

Luận án đã trình bày quan điểm của Kinh tế học cổ điển, Kinh tế học Mác - Lênin và Kinh tế học hiện đại về vai trò của NN. Ngoài trường phái trọng thương và David Ricardo thì trường phái trọng nông, Kinh tế học Mác - Lênin và Kinh tế học hiện đại đều khẳng định NN là nền tảng, là cơ sở cho sự phát triển của xã hội. Ở mỗi giai đoạn lịch sử vai trò đó có khác nhau, nhìn chung NN chiếm vị trí trọng yếu ban đầu, sau giảm dần trong quá trình phát triển, nhưng vai trò không giảm, nhất là có tác động của kinh tế thị trường và CNH. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, NN phải được CNH, HĐH và trở thành nền sản xuất hàng hoá.

##### ***1.1.2. Quan Điểm của đảng ta về phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn trong chiến lược KT – XH ở Việt Nam.***

- Nông nghiệp, nông thôn có vai trò, vị trí cực kỳ quan trọng vì nó là cơ sở của sự tăng trưởng và phát triển kinh tế, đảm bảo sự ổn định KT - XH đất nước.

- Luận án đề cập những quan điểm phát triển kinh tế NN, NT của Đảng ta các thời kỳ, trong đó luôn đặt đúng vị trí của NN, NT trong cách mạng Việt Nam. Từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, đã xác định muốn tiến hành CNH xã hội chủ nghĩa và phát triển công nghiệp thì phải phát triển NN; Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, nhấn mạnh "Phát triển nông lâm ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế NT và xây dựng NT mới là nhiệm vụ hàng đầu để ổn định tình hình KT-XH. Đặc biệt: Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX xác định "CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của CNH, HĐH đất nước".

### ***1.1.3. Những chủ trương của thành phố Hà Nội về phát triển kinh tế NN, NT ngoại thành trong chiến lược phát triển KT-XH ở Thủ đô***

Nông nghiệp, nông thôn ngoại thành có vị trí rất quan trọng trong chiến lược phát triển KT-XH ở Thủ đô:

- Chương trình 06-Ctr/TU của Thành uỷ Khoá XI về "Phát triển kinh tế ngoại thành và xây dựng NT mới Thủ đô 1992-/995" đã chủ trương bố trí lại cơ cấu sản xuất theo hướng chuyển dân sang NN hàng hoá, xây dựng NT phát triển toàn diện theo hướng văn minh, giàu đẹp.

- Kế hoạch 05/KH-TU của Thành uỷ Hà Nội khoá XII "Tiếp tục thực hiện Chương trình 06/ CTr-TU đến năm 2000" đã xác định "đẩy mạnh CNH, HĐH NN, NT; phát triển toàn diện NN Thủ đô với cơ cấu hợp lý, đa dạng ngành nghề, sản xuất hàng hoá có chất lượng và giá trị cao".

- Chương trình 12/CTr-TU của Thành uỷ Khoá XIII Về "phát triển kinh tế ngoại thành và từng bước hiện đại hoá NT Hà Nội 2001- 2005", xác định mục tiêu phấn đấu đến 2005, Hà Nội đi dần vào nền NN đô thị, sinh thái và đến 2010 NN , NT đi đầu trong CNH, HĐH.

### ***1.1.4. Tác động của kinh tế thị trường và yêu cầu phải hoàn thiện quản lý của nhà nước trong phát triển nông nghiệp, nông thôn***

- Nông nghiệp nước ta đã chuyển mạnh sang phát triển NN hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Hiện nay có nhiều mâu thuẫn, hạn chế làm cản trở quá trình phát triển sản xuất NN hàng hoá: Đất đai manh mún, phân tán; Luật đất đai có nhiều điểm chưa phù hợp; nông dân chậm thích ứng với cơ chế thị trường và thiếu vốn sản xuất, trình độ sản xuất không đồng đều; tốc độ đô thị hoá nhanh trên đất NN giảm lớn làm dư thừa nhiều lao động. Một bộ phận nông dân chạy theo lợi nhuận thuần tuý nên sử dụng nhiều hoá chất độc hại làm nông sản chất lượng thấp và gây ô nhiễm môi trường.

những hạn chế trên đòi hỏi phải tăng cường sự quản lý của Nhà nước, đặc biệt là có chính sách thúc đẩy NN, NT phát triển theo định hướng đã xác định.

## **1.2. Chính sách và vai trò của chính sách kinh tế đối với phát triển kinh tế NN, NT theo hướng CNH, HĐH**

### ***1.2.1. Khái niệm về chính sách kinh tế nông nghiệp, nông thôn***

Cho đến nay chưa có khái niệm đầy đủ và không có định nghĩa duy nhất về thuật ngữ "chính sách". Luận án đã tập hợp, nghiên cứu khái niệm của nhiều tác giả và khái quát: chính sách là tổng thể những tác động của nhà nước trong quá trình quản lý nhằm điều chỉnh các hành vi xã hội theo các mục tiêu Nhà nước đã đặt ra ở mỗi giai đoạn khác nhau.

Đối với Việt Nam Chính sách là các quan điểm, cách thức, biện pháp của Nhà nước nhằm cụ thể hoá đường lối của đảng tác động đến các lĩnh vực đời sống xã hội nhằm đạt mục tiêu trong mỗi thời kỳ khác nhau

Và, Chính sách kinh tế là tổng thể các quan điểm, chuẩn mực, thủ thuật và biện pháp can thiệp của Nhà nước vào các hoạt động kinh tế nhằm điều chỉnh theo mục tiêu đã xác định trong một thời hạn nhất định.

Và, Chính sách kinh tế NN, NT ở nước ta là tổng thể những quan điểm, biện pháp tác động của Nhà nước vào hoạt động kinh tế NN, NT và các ngành khác có liên quan nhằm cụ thể hoá đường lối của Đảng để đạt được mục tiêu đã xác định, trong một thời hạn nhất định.

### ***1.2.2. Các loại chính sách kinh tế nông nghiệp, nông thôn***

Có nhiều cách phân loại, luận án đề cập những hình thức phân loại:

- Theo hướng tác động, có: Chính sách hỗ trợ đầu vào của sản xuất, chính sách điều chỉnh đầu ra của sản xuất.

- Theo mức độ thời gian tác động, gồm: Chính sách dài hạn, chính sách ngắn hạn, chính sách trung hạn.

- Theo tính chất của mục tiêu cần đạt tới, gồm: Chính sách phục vụ mục tiêu cơ bản, chính sách phục vụ mục tiêu thứ yếu, chính sách phục vụ mục tiêu tổng hợp.

- Theo phạm vi ảnh hưởng, có: Chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách kinh tế vi mô.

- Theo cấp độ, có: Chính sách kinh tế quốc gia, chính sách kinh tế địa phương.

Ưu điểm cách phân loại trên là rõ ràng, rành mạch nhưng có hạn chế cắt khúc quá trình sản xuất, phạm vi tác động hẹp hay còn thiếu rõ ràng

Các nhà kinh tế học Anh David Colman và Trevor Young đưa ra cách phân loại theo cấp:

+ Cấp người trực tiếp sản xuất, gồm chính sách: Trợ giá sản xuất, trợ cấp hoặc cấp tín dụng cho đầu vào, trợ cấp vốn đầu tư, chính sách giao nộp lương thực, chính sách chuyển hướng sử dụng đất...

+ Cấp thị trường, gồm chính sách: Định giá nội địa độc quyền, thu mua nông sản theo trợ giá, lập kho dự trữ Nhà nước, trợ cấp người tiêu dùng, chính sách thuế sản phẩm, chính sách trợ cấp công nghiệp...

+ Cấp biên giới, gồm: Chính sách trợ cấp hoặc đánh thuế xuất khẩu, hạn ngạch nhập khẩu, sử dụng hàng rào phi thuế quan...

***1.2.3. Vai trò của chính sách kinh tế NN, NT và những yêu cầu đặt ra phải hoàn thiện chính sách kinh tế phát triển NN, NT theo hướng CNH, HĐH***

***1.2.3.1. Vai trò của chính sách kinh tế NN, NT***

- Chính sách kinh tế là không thể thiếu được của Nhà nước để quản lý kinh tế, vì nó chính là môi trường, công cụ truyền dẫn các tác động quản lý của Nhà nước đến đối tượng quản lý và là con đường để thực hiện thắng lợi chiến lược, kế hoạch.

- Kinh tế NN, NT chịu tác động của nhiều nhân tố, như khoa học – công nghệ, chính sách, vốn đầu tư, thị trường... trong đó chính sách kinh tế có ý nghĩa quyết định.



- Trong quản lý kinh tế: nếu biết kịp thời thực hiện các chính sách kinh tế đúng thì thành công và ngược lại.

#### *1.2.3.2. Những yêu cầu đặt ra phải hoàn thiện chính sách Kinh tế phát triển NN, NT theo hướng CNH, HĐH*

- Quá trình phát triển nền kinh tế NN hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, tất yếu phải tăng cường quản lý của Nhà nước, trước hết là ban hành các chính sách phát triển. Đặc biệt, Đảng ta đã quyết định đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn từ nay đến 2010; coi CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của CNH, HĐH đất nước và xác định rõ nội dung CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Do đó, các chính sách kinh tế NN, NT phải được bổ sung, sửa đổi hoàn thiện để thực hiện những nội dung CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn đã đề ra.

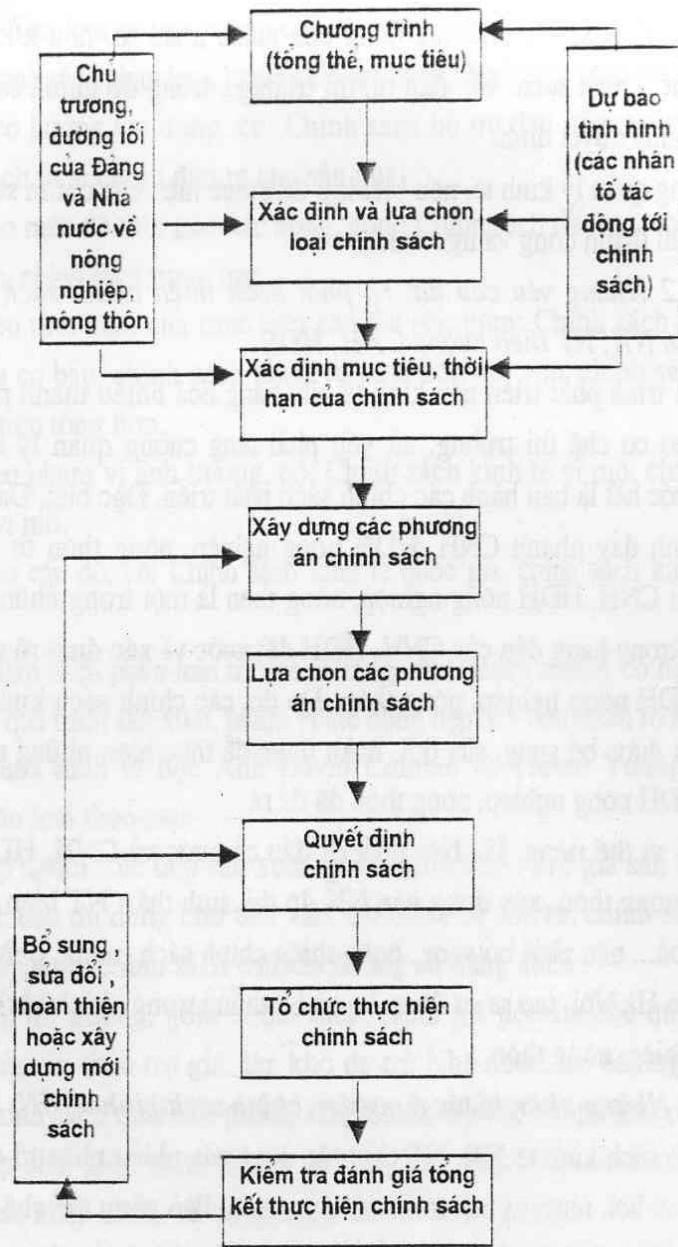
- Với vị thế riêng, Hà Nội phải đi đầu cả nước về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nền NN đô thị, sinh thái; NT hiện đại hoá, đô thị hoá... nên phải bổ sung, hoàn thiện chính sách mạnh, phù hợp với điều kiện Hà Nội, tạo ra sự đồng bộ và hệ thống trong chính sách kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

#### *1.2.4. Những nhân tố tác động đến chính sách kinh tế NN, NT*

- Chính sách kinh tế NN, NT chịu tác động của nhiều nhân tố chính trị, kinh tế, xã hội, nhân tố bên trong và bên ngoài. Bao gồm: thể chế chính trị xã hội của quốc gia, định hướng và chiến lược phát triển đất nước, môi trường kinh tế - xã hội và quan hệ kinh tế đối ngoại, thực trạng của nền kinh tế và những vấn đề cấp bách cần giải quyết, các điều kiện thực hiện chính sách về: kinh tế, xã hội, KH-CN, trình độ sản xuất, bộ máy quản lý...

#### *1.2.5. Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách kinh tế NN, NT*

Là quá trình phức tạp, công phu gồm nhiều khâu, liên quan đến hệ thống tổ chức, con người và có nhiều nhân tố tác động. Được thể hiện ở sơ đồ 1.2



**SƠ ĐỒ 1.2 QUÁ TRÌNH HOẠCH ĐỊNH VÀ THỰC THI CHÍNH SÁCH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN**

- Xây dựng chính sách kinh tế là khâu rất quan trọng và yêu cầu phải hoạch định được chính sách đúng, có tính khả thi, gồm các bước: xác định và lựa chọn loại chính sách; xác định mục tiêu và thời hạn chính sách; xây dựng các phương án chính sách; lựa chọn phương án chính sách tối ưu; thông qua và quyết định chính sách.

*Tổ chức thực hiện có ý nghĩa quyết định đến sự thành công hay thất bại của chính sách kinh tế NN, NT, là điều kiện quyết định để đưa chính sách vào cuộc sống. Bao gồm: chuẩn bị triển khai; chỉ đạo thực hiện chính sách kiểm tra, đánh giá, tổng kết và điều chỉnh chính sách*

Để hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách có kết quả phải có hệ thống tổ chức bộ máy chặt chẽ và đội ngũ cán bộ, chuyên gia giỏi, chất lượng cao. Mặt khác, có sự đánh giá, phân tích sâu sắc và đầy đủ các dự báo, nhân tố tác động, tranh thủ các ý kiến chuyên gia và của nông dân. Do đó, phải xây dựng nền hành chính công mạnh, cải cách hành chính, phát huy sức mạnh tổng hợp từ trên xuống dưới, từ lãnh đạo đến cán bộ chuyên môn, từ người dân đến cơ quan nhà nước...

### **1.3. Kinh nghiệm về hoạch định và thực thi chính sách phát triển NN, NT một số nước và ở thành phố Hồ Chí Minh**

Luận án trình bày và phân tích kinh nghiệm hoạch định và thực thi chính sách Kinh tế NN, NT Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản và ở thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó, rút ra một số bài học:

- Là nước nông nghiệp, để trở thành nước công nghiệp phải tập trung phát triển NN, NT làm tiền đề cho phát triển kinh tế cả nước.

- Nông nghiệp, nông thôn là bộ phận quan trọng của xã hội và nền kinh tế, nhưng là khu vực có nhiều khó khăn, kém phát triển, rủi ro cao.

- Vì vậy, để CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn thành công thì phải tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước, đặc biệt có là chính sách đầu tư cao cho nông nghiệp. Ngay cả khi nền kinh tế phát triển cao, lại càng quan tâm đầu tư cho nông nghiệp nông thôn.

- Chính sách kinh tế luôn luôn được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển của NN, NT từng giai đoạn.

- Tùy từng giai đoạn, mục tiêu mà sử dụng chính sách đòn bẩy khác nhau.

- Chính sách kinh tế hỗ trợ cho NN, NT phải có điểm dừng, liều lượng cho phù hợp để phát huy tính tích cực của chính sách, nếu quá giới hạn thì sẽ hạn chế tác dụng, cản trở phát triển.

- Chính sách kinh tế thúc đẩy phải triển NN, NT phải đồng bộ, trước hết là đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế – kỹ thuật NN, NT.

- Hỗ trợ cao NN, NT có hiệu quả là thông qua các chương trình, đề án, dự án có mục tiêu, định hướng xác định.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN NGOẠI THÀNH HÀ NỘI THỜI GIAN QUA

#### **2.1. Đặc điểm tự nhiên, KT-XH có ảnh hưởng đến phát triển NN - NT ngoại thành và xây dựng chính sách ở Hà Nội**

##### ***2.1.1. Đặc điểm tự nhiên***

Hà Nội có 7 quận nội thành và 5 huyện ngoại thành với tổng diện tích đất tự nhiên 920,97 km<sup>2</sup> ; trong đó ngoại thành là 836,67 km<sup>2</sup> (90%), có 118 xã và 8 thị trấn.

Luận án đã trình bày đặc điểm về địa hình, khí hậu, mạng lưới sông, ao, hồ, đầm và chế độ nước ở Hà Nội, cho thấy có nhiều thuận lợi cho NN, NT phát triển và xây dựng môi trường sinh thái. Tuy nhiên, vùng đất cao hạn, bạc màu Sóc Sơn không thuận lợi cho NN; Hà Nội hàng năm chịu trực tiếp từ 5 -7 cơn bão; mùa mưa mực nước sông Hồng, sông Đuống , sông Cầu lên cao gây trở ngại cho sản xuất và đời sống nhân dân.

##### ***2.1.2. Đặc điểm kinh tế xã hội***

Hà Nội là đầu mối giao thông, nằm trong trọng điểm vùng Phát triển kinh tế phía Bắc nên thuận tiện giao lưu với các địa phương, tiếp nhận thông tin khoa học công nghệ, tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế dễ dàng. Đồng thời, là trung tâm chính trị hành chính quốc gia, tập trung các cơ quan Đảng Nhà nước, đoàn thể, ngoại giao và tổ chức quốc tế, các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu. Hà Nội còn là nơi hội tụ tinh hoa văn hóa của Việt Nam, là trung tâm thương mại, dịch vụ của cả nước.

Do vậy , Hà Nội có lợi thế lớn về khả năng phát triển đa dạng các loại hình sản phẩm NN chất lượng cao, xây dựng một nền NN sinh thái.

##### ***2.1.3. Đặc điểm đặc thù của NN, NT ngoại thành Hà Nội***

- Ngoại thành có 38.146ha đất canh tác, 44.590ha đất NN với dân số 1.305.800 người chiếm 46% toàn thành, 675.100 khẩu, 157.280 hộ và 398.647 lao động NN. Bình quân diện tích đất là 0. 112 ha/lao động NN.

- Nông nghiệp, nông thôn Hà Nội có những đặc điểm đặc thù sau:
  - + Bình quân diện tích đất thấp; quá trình đô thị hoá, CNH diễn ra nhanh nên đất NN ngày càng bị thu hẹp, chia cắt manh mún, phân tán, dư thừa lao động nhiều, tình trạng úng ngập và ô nhiễm trong NN, NT là vấn đề bức xúc.
  - + Là đô thị lớn có đời sống khá cao, đa dạng. Mặt khác: đất có giá trị cao nên có sự cạnh tranh giữa NN với các ngành và phát triển đô thị.
  - + Sự chênh lệch cao về thu nhập, đời sống giữa nội và ngoại thành và có xu hướng càng tăng lên, tỷ lệ hộ nghèo ngoại thành còn lớn.

Những điều đó đặt ra cho NN, NT ngoại thành phải tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả và thu nhập tương ứng với giá trị đất đô thị, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống của nông dân...

## **2.2. Thực trạng tác động của các chính sách kinh tế đến phát triển NN, NT ngoại thành Hà Nội thời gian qua**

Thông qua các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, quyết định, chỉ thị của Thành uỷ, UBND, thành phố thực hiện nhiều chính sách để phát triển NN, NT. Luận án đã trình bày và phân tích 6 chính sách có tác động rõ nét nhất.

### ***2.2.1. Chính sách đất đai và tác động của chính sách đất đai đến sản xuất NN, NT ngoại thành Hà Nội***

Chính sách đất đai được cụ thể hoá ở Hà Nội tập trung về: giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ổn định và lâu dài đất NN, đất ở, đất ao và vườn liền kề khu vực NT; quy định sử dụng đất để liên doanh, liên kết và thực hiện 5 quyền luật đất đai quy định; chính sách đền bù thiệt hại, khung giá đất cho người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn; các biện pháp tăng cường quản lý đất đai và xử lý các trường hợp vi phạm; quy định đấu giá quyền sử dụng đất để tạo vốn đầu tư...

Chính sách đã tác động tích cực đến sự phát triển KT-XH Thủ đô :

- + Hoàn thành cơ bản việc giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ổn định và lâu dài đất NN, xác lập quyền sử dụng hợp pháp cho nông dân. giải phóng sức lao động, chủ động bố trí sản xuất và yên tâm đầu tư, tái tạo đất, thúc đẩy sản xuất phát triển và quản lý đất đai tốt hơn.

+ Chính sách cho phép thực hiện 5 quyền đã tạo điều kiện cho nông dân chuyển đổi thửa, tích tụ ruộng đất để sản xuất, thâm canh, phát triển trang trại và vùng cây ăn quả, rau sạch, nuôi cá tập trung.

+ Tạo điều kiện thực hiện các dự án đầu tư, phát triển kinh tế Thủ đô. Từ năm 1996 – 6/2003, đã tổ chức giải phóng mặt bằng cho 2/13 dự án. tổng diện tích thu hồi là 7597,9 ha đất...

+ Bước đầu quan tâm và xử lý các trường hợp vi phạm, sử dụng đất có hiệu quả hơn: Đã thu hồi 91.064 m<sup>2</sup> đất lấn chiếm, buộc 323 trường hợp tự ý chuyển đổi mục đích đất NN phải khôi phục lại hiện trạng ban đầu...

- Tuy nhiên, thực hiện chính sách đất đai ở Hà Nội là rất phức tạp, có mặt tiêu cực và nhiều bất cập, yếu kém cần được tháo gỡ:

+ Thực hiện giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoàn thành chậm đã gây khó khăn trong quản lý đất đai và thúc đẩy sản xuất

+ Việc chậm hướng dẫn người sử dụng đất được thực hiện 5 quyền, cùng với các quy định về hạn mức thời gian, diện tích sử dụng đất của mỗi hộ gia đình sau khi chuyển nhượng, cho thuê... đã không khuyến khích mạnh chuyển đổi, hình thành các trang trại lớn, quá trình tích tụ ruộng đất NN, NT kéo dài, quy mô sản xuất hàng hoá nhỏ.

+ Thực hiện chính sách đền bù đất chưa hợp lý, như: định giá đất NN thấp, việc phân định đất đô thị và đất NT không hợp lý; mức đền bù, hỗ trợ nông dân chuyển nghề còn thấp, chưa tạo ra sự bình đẳng thực sự giữa NN, NT với các khu vực khác nên công tác giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc. nhiều khiếu kiện, việc thực hiện các dự án đầu tư chậm; tốn kém thời gian, công sức và tiền của.

### ***2.2.2. Chính sách cơ cấu kinh tế và tác động của chúng đến sản xuất NN, NT ngoại thành Hà Nội***

Chương trình phát triển kinh tế ngoại thành và xây dựng NT mới của Thành ủy các nhiệm kỳ và kế hoạch thực hiện của UBND thành phố đã xác định: Phát triển NN theo hướng sản xuất hàng hoá, giảm dần diện tích cây lương thực, tăng diện tích rau hoa quả, phát triển mạnh chăn nuôi- thuỷ sản chất lượng cao; đẩy mạnh phân công lao động xã hội theo hướng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ( CN-TTCN), thương mại. dịch vụ (TM-DV)... Đảm bảo đến 2005, cơ cấu kinh tế ngoại thành là: CN-TTCN-XDCB: 60%; TM- DV: 22% và N-LN-

TS: 18%. Cơ cấu nội ngành nông lâm nghiệp, trồng trọt 58%; chăn nuôi - thủy sản: 42%.

- Những chủ trương, chính sách trên đã tạo ra kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngoại thành Hà Nội khá rõ nét:

+ Cơ cấu kinh tế NN chuyển dịch tiến bộ, tỷ trọng trồng trọt giảm. đến 2001 còn 54,74%, chăn nuôi - thủy sản tăng đạt gần 42%, dịch vụ trong NN 2,51% (so với năm 1990 theo tuần tự là : 64,68%, 35,32%). NN đã chuyển đổi một bước sang sản xuất hàng hoá. Kinh tế NT phát triển khá, tăng trưởng liên tục, đã hình thành nhiều khu công nghiệp vừa và nhỏ ở các huyện, mở ra nhiều hình thức tổ chức sản xuất TTCN ở các làng, xã, làng nghề truyền thống được phục hồi, phát triển đã thu hút và giải quyết nhiều lao động nông thôn. Nhiều trung tâm thương mại, chợ nông thôn được xây dựng góp phần thúc đẩy lưu thông, tiêu thụ nông sản hàng hoá; số hộ tư nhân hoạt động TM - DV tăng lên nhanh chóng.

Đến năm 2001, CN-TTCN-XDCB đạt 56,65%, TM-DV đạt 17,33%, N-L-N còn 26,02%.

- Tuy nhiên, tác động của chính sách chưa thực sự mạnh: còn nhiều hạn chế.

+ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm so với lợi thế, giá trị sản xuất hàng hoá chưa cao, tỷ trọng trồng trọt còn lớn, chăn nuôi - thủy sản phát triển chưa mạnh. Giá trị CN-TTCNT do huyện quản lý trong 5 năm (1995-2000) chỉ tăng 7,22%, bình quân tăng 1,44%/năm. Số cơ sở TTCN ngoài Nhà nước tăng ít có xu hướng giảm. CN chế biến sử dụng nguyên liệu ở Hà Nội còn hạn chế. TM-DV các huyện đều tăng thấp, từ 1995-2000 tăng từ 18% lên 19,19%.

+ Các sản phẩm mũi nhọn hoa, cây cảnh, quà, rau chất lượng, bò sữa, gia cầm lấy trứng, thủy sản chất lượng cao, dịch vụ NN, chiếm tỷ trọng còn thấp; xu hướng phát triển NN đô thị, sinh thái chưa rõ nét.

### ***2.2.3. Chính sách đầu tư, huy động vốn và hỗ trợ vốn cho NN, NT và tác động của chúng đến phát triển NN, NT ngoại thành Hà Nội***

- Chương trình phát triển kinh tế đã xác định:

+ Đầu tư cho ngoại thành tập trung: Xây dựng kết cấu hạ tầng và điện nông thôn, cơ sở chọn và nhân giống cây trồng, vật nuôi: nước sạch nông thôn bằng ngân sách nhà nước. Kinh phí thu được do đền bù thiệt hại đất. Công ích được dùng để hỗ trợ xây dựng hạ tầng. Khuyến khích các cá nhân, tổ chức đầu tư xây

dựng các cơ sở sản xuất hoặc chế biến, dịch vụ tại NT, không hạn chế vốn và được thuê lao động theo nhu cầu. Vận động nhân dân đóng góp quỹ xây dựng kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng. Cho phép lập dự án tạo vốn từ đấu thầu quyền sử dụng đất. . .

+ Thực hiện mở rộng hình thức cho nông dân vay vốn, củng cố HTX tín dụng NT, cải tiến các thủ tục vay vốn ở ngân hàng thương mại, lập Quỹ hỗ trợ người nghèo, Quỹ quốc gia giải quyết việc làm và Quỹ khuyến nông.

- Những chủ trương, chính sách trên tác động có kết quả tích cực;

+ Đến năm 2001, có 18% tổng số vốn XDCB của thành phố đầu tư cho ngoại thành. Do đó, đã có 71% đường liên xã, thôn trải nhựa, bê tông; 100% hộ nông dân đã có điện sử dụng; 70% dân số được dùng nước sạch; 100% số xã có trạm y tế, 97/118 xã có sân bãi thể thao; 100% trường PITH, 85% trường THCS và 83% trường tiểu học kiên cố, khang trang . . .

+ Đã có 180 trang trại, trong đó 26,6% chủ trang trại là cán bộ công chức, với 80,6% là vốn tự có. Nhiều hộ cá thể, công ty tư nhân, TNHH đầu tư sản xuất TTCN, DV với 80,5% là vốn tự có.

+ Các Ngân hàng thương mại, Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, Quỹ hỗ trợ người nghèo, Quỹ khuyến nông đã tích cực cho nông dân vay vốn sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Tuy nhiên, kết quả thực hiện chính sách còn có hạn chế:

+ Tỷ lệ đầu tư còn thấp so với yêu cầu CNH, HĐH và mất cân đối lớn giữa nội và ngoại thành. Đầu tư còn dàn trải, không đồng bộ và dứt điểm. Do đó, trình độ CNH, HĐH mới chỉ là bước đầu.

+ Nguồn vốn đầu tư cho NN, NT chủ yếu từ ngân sách, huy động vốn trong dân còn hạn chế. Quy mô sản xuất trong NN và kinh tế NT còn nhỏ bé. Thủ tục vay vốn ngân hàng còn có khó khăn.

#### ***2.2.4 Chính sách hỗ trợ khắc phục thiên tai, thị trường nông sản và tác động của chúng đến NN, NT ngoại thành Hà Nội***

- Thành phố đã có nhiều chính sách như:

+ Lập quỹ phòng chống thiên tai để trợ cấp, khắc phục hậu quả, ổn định đời sống nhân dân. Miễn hoặc giảm thuế lợi phí, hỗ trợ thóc giống, vật tư khi úng



lụt, hạn hán lớn xảy ra. Thực hiện chế độ doanh nghiệp công ích đối với các Công ty khai thác công trình thủy lợi . . .

+ Coi trọng thị trường trong nước, chủ động tìm thị trường nước ngoài, xây dựng hệ thống chợ; ưu tiên về thuế, vay vốn, thuê đất để thu hút đầu tư cho công nghiệp chế biến; xây dựng vùng nguyên liệu; thành lập quỹ hỗ trợ xuất khẩu nông sản...

- Chính sách đã tác động đến kinh tế NN, NT và xã hội ngoại thành:

+ Hệ thống thủy lợi được nâng cấp, nâng cao năng lực tưới tiêu.

+ Đã quan tâm nhiều đến người nghèo.

+ Có những tiến bộ về thị trường nông sản: Phát triển các chợ nông sản đầu mối, chợ nông thôn, trạm thu , gom sữa tươi, lò giết mổ ra súc... thành lập các HTX dịch vụ tiêu thụ nông sản, tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại. . . đã giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm, phát triển sản xuất hàng hoá.

- Tuy nhiên, chính sách còn nhiều bất cập, khó nắm bắt được chính xác mức độ và diện tích thiệt hại để hỗ trợ cho phù hợp, để phát sinh tiêu cực chưa thực hiện đầy đủ giữa khu vực HTX với khu vực doanh nghiệp nhà nước, giữa diện rộng và diện cục bộ. Chính sách thị trường nông sản thực hiện chưa đồng bộ, tác động chưa nhiều, tiêu thụ nông sản còn khó khăn.

#### ***2.2.5. Chính sách khuyến khích chuyển giao và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật-công nghệ mới, dự trữ vật tư thiết yếu cho sản xuất và tác động của chúng đến sản xuất NN, NT ngoại thành Hà Nội***

- Thành phố đã có các chính sách: trợ giá giống mới lúa, rau, lợn, bò sữa; khuyến khích sản xuất vụ đông ; quản lý giống cây trồng, vật nuôi và thức ăn gia súc; xây dựng mạng lưới bảo vệ thực vật và thú y xã; khuyến nông; dự trữ phân bón, thuốc trừ sâu và giống trồng.

- Nông dân đã áp dụng nhiều giống lúa lai, ngô lai, rau mới... và công nghệ mới như nhà lưới, che phủ nilon, phân bón và thuốc trừ sâu vi sinh, nuôi lợn bằng chuồng lồng... Mặt khác đã duy trì các loại giống gốc, đầu tư cho công tác khuyến nông nên sản xuất ra lượng lớn giống có chất lượng cung cấp cho thị trường. Đã tập huấn cho hàng vạn người về kiến thức kỹ thuật, trình diễn hàng ngàn mô hình khuyến nông chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, góp

phần nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, hình thành vùng hàng hóa về rau sạch, nuôi lợn, bò sữa và thủy sản.

- Tuy nhiên, chính sách còn tản mạn, chưa tập trung vào những cây con có lợi thế, như hoa, cây cảnh, rau an toàn, bò sữa, lợn nạc và thủy sản Chưa đầu tư thích đáng vào xây dựng hệ thống giống và Trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản. Do đó, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giá trị sản phẩm chưa cao so với lợi thế Thủ đô. Mặt khác, công nghệ cơ bản vẫn lạc hậu, chính sách tác động đến phát triển ngành nghề nông thôn rất hạn chế.

### ***2.2.6. Chính sách đổi mới quan hệ sản xuất trong NN, NT và tác động của chúng đến phát triển NN, NT ngoại thành Hà Nội***

- Thành phố đã chú trọng đổi mới hoạt động HTX NN theo Luật HTX, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, hộ nông dân đầu tư sản xuất hàng hoá.

- Các thành phần kinh tế trong NN, NT đã tự do sản xuất - kinh doanh, mạnh dạn đầu tư. Cơ bản đã hoàn thành chuyển đổi HTX theo luật, nhiều HTX tổ chức dịch vụ đầu vào và đầu ra cho kinh tế hộ gia đình, bộ máy gọn nhẹ hơn và vốn quỹ được kiểm kê, quản lý chặt chẽ hơn.

- Tuy nhiên, ngoài kinh tế hộ gia đình, các thành phần kinh tế trong NT phát triển chưa mạnh, các doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH còn quá ít Đặc biệt. 70% số HTX hoạt động còn kém hiệu quả, hình thức.

### **2.3. Đánh giá chung tác động của chính sách đến kết quả phát triển NN, NT ngoại thành Hà Nội những năm qua**

#### ***2.3.1. Kết quả đạt được***

- Các chính sách đã góp phần rất quan trọng thúc đẩy kinh tế ngoại thành phát triển toàn diện, liên tục với mức tăng trưởng khá. Trong đó, sản xuất NN đạt được nhiều thành tựu, tốc độ tăng trưởng và giá trị sản xuất hàng năm đều tăng, bình quân 10 năm đạt 4,6%/năm. Đồng thời, cơ cấu NN chuyển dịch theo hướng tiến bộ: hoạt động CN-TTCN, TM- DV được đẩy mạnh: quan hệ sản xuất XHCN từng bước được củng cố, hoàn thiện.

- Giáo dục, y tế, văn hóa – xã hội phát triển, dân trí được nâng cao.

- Hệ thống chính trị ở NT ngoại thành được củng cố.

#### ***2.3.2. Những tồn tại và nguyên nhân***

### *2.3.2.1. Những tồn tại cơ bản về kinh tế NN, NT ngoại thành Hà Nội*

- Tăng trưởng kinh tế không ổn định: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động còn chậm, chưa khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế Thủ đô: Phát triển sản xuất hàng hoá chậm, còn mang tính tự phát, nhiều nơi cơ bản vẫn là sản xuất nhỏ, phân tán; Công nghệ sản xuất còn lạc hậu, nên năng suất lao động và chất lượng nông sản chưa cao, chưa đủ sức cạnh tranh trong khu vực và quốc tế, an toàn vệ sinh thực phẩm còn chưa tốt; Tiêu thụ nông sản còn gặp khó khăn. Đời sống nông dân đa số còn ở mức thấp có sự chênh lệch lớn giữa nội và ngoại thành; Kết cấu hạ tầng kinh tế- kỹ thuật còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được CNH, HĐH.

### *2.3.2.2. Nguyên nhân*

Có nhiều nguyên nhân, trong đó có hạn chế của chính sách: Các chính sách chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất NN hàng hoá theo hướng CNH, HĐH; Chưa kịp thời cụ thể hoá những chính sách kinh tế của Trung ương. Nhiều chính sách chưa xây dựng nên chưa tạo ra sự đồng bộ của hệ thống các chính sách kinh tế. Quá trình tổ chức thực hiện chính sách còn khó khăn, lúng túng...

## **CHƯƠNG 3**

### **PHƯƠNG HƯỚNG TIẾP TỤC HOÀN THIỆN CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN NGOẠI THÀNH HÀ NỘI THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HOÁ**

#### **3.1. Định hướng phát triển NN, NT ngoại thành Hà Nội đến 2010**

##### ***3.1.1. Một số xu hướng phát triển NN, NT thế giới ở thế kỷ XXI có liên quan đến hoạch định chính sách của Hà Nội***

###### *3.1.1.1 Xác định mô hình sản xuất nông nghiệp*

Luận án đã phân tích sản xuất nông nghiệp ở Thế kỷ XX, những ưu điểm, tồn tại và khẳng định: Mục tiêu và nội dung phát triển NN thế giới ở thế kỷ XXI là xây dựng nền "Nông nghiệp bền vững hiện đại, thoả mãn được các yêu cầu của thế hệ hiện nay mà không giảm khả năng ấy đối với các thế hệ mai sau". Đó là nền NN sinh thái kết hợp CNH cao.

###### *3.1.1.2. Nông nghiệp đô thị và hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp*

- NN sinh thái kết hợp CNH cao không chỉ thực hiện tại nông thôn mà ngay cả trong đô thị cũng có khả năng tiến hành. đó là NN đô thị.

- Kinh tế trang trại gia đình tiếp tục giữ vai trò trung tâm, đồng thời sẽ hình thành các HTX, hiệp hội... hỗ trợ cho các trang trại và kinh tế hộ.

### ***3.1.2 Định hướng phát triển NN, NT ngoại thành Hà Nội theo hướng CNH, HĐH đến 2010***

#### *3.1.2.1 quan điểm chung*

- Nông nghiệp, nông thôn phải đi trước, đi nhanh và đi đầu trong CNH, HĐH, là cơ sở cho việc chỉ đạo phát triển NN, nhất là NN đô thị của cả nước.

- Xây dựng nền NN đô thị với chất lượng cao, hàm lượng chất xám lớn: tỷ lệ dịch vụ NN cao. Phát triển theo hướng NN bền vững hiện đại.

- Phát triển NN, NT đặt trong phát triển KT-XH chung của Thủ đô, giữa Hà Nội với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và các tỉnh xung quanh.

- Chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế NN, NT, thực hiện cao cấp hoá sản phẩm, hiện đại hoá sản xuất và đô thị hoá NT.

#### *3.1.2.2. Phương hướng và nội dung phát triển NN, NT ngoại thành Hà Nội theo hướng CNH, HĐH 2010*

- Phát triển NN hàng hoá đa dạng với cơ cấu hợp lý, sinh thái bền vững, cảnh quan du lịch, phát huy lợi thế của NN đô thị với các sản phẩm mũi nhọn là rau xanh, hoa, cây cảnh: quả và chăn nuôi bò sữa, lợn nạc, thủy sản chất lượng cao.

- Thúc đẩy nhanh quá trình hiện đại hoá NN, NT, ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ sạch, công nghệ sinh học để nâng cao chất lượng nông sản và hiệu quả kinh tế.

- Chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế NT, xoá bỏ kinh tế thuần nông, trong NT, tỷ lệ lao động NN chỉ còn 12-14%.

- Thực hiện từng bước đô thị hoá NN gắn với xây dựng NT hiện đại theo hướng văn hoá, sinh thái.

- Đẩy mạnh phát triển các loại hình tổ chức sản xuất hàng hoá tập trung.

- Xây dựng, thực hiện chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho NN, NT phù hợp với cơ chế thị trường và phát triển khoa học công nghệ với tốc độ cao.

### **3.2. Những yêu cầu đặt ra khi hoàn thiện chính sách kinh tế phát triển NN, NT ngoại thành Hà Nội theo hướng CNH, HĐH**

- Quán triệt và thể hiện được những quan điểm đổi mới của Đảng, Nhà nước cũng như của thành phố về phát triển NN, NT.

- Tuân thủ các chính sách kinh tế về NN, NT Nhà nước đã ban hành và cụ thể hoá cho phù hợp với điều kiện Hà Nội .

- Xây dựng và hoàn thiện những chính sách đặc thù, chính sách mạnh để đáp ứng mục tiêu phát triển những năm tới.

- Đảm bảo tính toàn diện, thúc đẩy cả LLSX và QHSX, phù hợp và cùng phát triển, khắc phục những hạn chế của những chính sách đã có.

### **3.3. Phương hướng tiếp tục hoàn thiện một số chính sách kinh tế chủ yếu phát triển nông nghiệp, nông thôn ngoại thành Hà Nội theo hướng CNH, HĐH**

#### ***3.3.1. Hoàn thiện chính sách đất đai***

- Đẩy mạnh tiến độ cấp giấy chứng nhận đất ở, đất ao và vườn liền kề ở NT và giấy chứng nhận sử dụng đất NN.

- Khuyến khích và thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi ruộng đất, đồn điền, đổi thửa” hình thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung.

- Điều chỉnh theo hướng tăng thời hạn: cho thuê đất đối với đất công trong Nghị định 85/1999/NĐ-CP, thời hạn cho thuê theo Nghị định 79/2001/NĐ-CP và tăng hạn mức đối với trường hợp chuyển nhượng đất theo Nghị định 79/2001/NĐ-CP là “*Tùy vào khả năng sản xuất của người sử dụng*”.

- Quy định rõ phương pháp định giá trị quyền sử dụng đất để làm vốn góp và xử lý đất đai cho nông dân khi góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp cổ phần bị phá sản với yêu cầu phải đảm bảo mức thu nhập ổn định và không để nông dân rơi vào tình trạng mất đất.

- Điều chỉnh lại việc cho phép chủ sử dụng đất được xây dựng công trình nhà ở, xưởng đối với những trang trại có qui mô từ 2ha trở lên; Nhà nước qui hoạch khu làng nghề mới, xây dựng hạ tầng nhà ở và cho thuê lâu dài.

- Áp dụng tính thuế sử dụng đất NN đối với diện tích sân, kho giống, vật tư chuồng trại chăn nuôi.

- Ưu đãi về tiền sử dụng đất, thuế đất và thuế sử dụng đất đối với hoạt động khoa học công nghệ NN.

- Không thu tiền sử dụng đất khi giao đất NN và miễn tiền thuê đất làm trụ sở và các công trình sản xuất dịch vụ đối với HTX NN.

- Đảm bảo lợi ích thoả đáng cho nông dân khi đền bù đất giải phóng mặt bằng: thu hồi đất sẽ đền bù bằng tiền, việc tính toán giá đền bù cần lấy giá trị thực tế khi dự án bắt đầu tại khu vực đó, mức hỗ trợ chuyển nghề phải căn cứ vào thực tế lao động và chi phí cần thiết khi chuyển nghề.

- Bổ sung những quy định cho phép tạo vốn từ quỹ đất.

- Có quy định, chế tài mạnh hơn nhằm tăng cường quản lý đất.

### **3.3.2 Hoàn thiện chính sách cơ cấu kinh tế NN, NT**

Cơ cấu kinh tế ngoại thành đến 2005 - 2010 được xác định tại biểu 3.1 (đơn vị tính:%).

<b>Cơ cấu</b>	<b>Năm 2000</b>	<b>Năm 2005</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Tốc độ chuyển dịch 2001-2010</b>
<b>1. Cơ cấu kinh tế ngoại thành</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>mo</b>	
+ CN-TTCN-XDCB	51,84	61,00	65,00	1,38
+ TM-DV	19,00	19,00	20,00	1,18
+ NN-LN-TS	29,16	20,00	15,00	-1,47
<b>2. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
+ Trồng trọt	70,00	61,10	53,20	- 2,70
+ Chăn nuôi – Thủy sản	28,00	32,90	36,80	2,80
+ Dịch vụ	2,00	6,00	10 00	17,5

*Nguồn : Sở NN&PTNT Hà Nội và UBND thành phố Hà Nội*

- Kinh tế ngoại thành phát triển theo hướng tăng nhanh CN-TTCN, TM-DV; N-L-N giảm. Giảm nhanh cây lương thực, tăng nhanh diện tích rau chất lượng, hoa - cây cảnh, quả; phát triển mạnh bò sữa, lợn nạc, thủy sản chất lượng. Đẩy mạnh hoạt động DV trong NN.

- Thực hiện các giải pháp:

+ Quy hoạch vùng sản xuất: Đến 2010 diện tích rau: 3.200 - 3.500 ha; diện tích hoa 2.500 - 3.000 ha; cây ăn quả 6.000 - 8.000 ha; 480.000 – 500.000 lợn nạc; 6.000 bò sữa; 20.000 - 25.000 tấn cá/năm.

+ Luận án đề xuất chính sách: Khuyến khích nông dân chuyển đổi vùng trồng sang nuôi cá; đầu tư 80% kinh phí hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất hàng hoá, trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, trang trại; trợ giá các loại giống; hỗ trợ đầu tư công nghệ cao và chế biến; hỗ trợ 100% lãi xuất khi vay vốn sản xuất; đầu tư cho khuyến nông, thú y và thụ tinh bò sữa; bảo hiểm vật nuôi, cây trồng.

+ Chính sách phát triển CN, TTCN, làng nghề, làng nghề truyền thống và TM-DV gồm: Tăng cường đầu tư hạ tầng kinh tế kỹ thuật, lập quỹ hỗ trợ làng nghề, đào tạo nghề, quỹ bảo hiểm đầu tư. Đầu tư phát triển chợ đầu mối nông sản, chợ và trung tâm thương mại nông thôn, ưu tiên vay vốn và hỗ trợ lãi suất...

### ***3.3.3. Bổ sung, sửa đổi chính sách đầu tư và vận dụng cho phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn***

- Mức đầu tư và khả năng nguồn vốn: Để tăng trưởng đúng mục tiêu cần có 4.500 - 5.000 tỷ đồng (chiếm 22% GDP). Ngân sách Thành phố hàng năm đầu tư 25 - 30% tổng số vốn XDCB cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật ngoại thành.

- Nội dung và lĩnh vực ưu tiên đầu tư: Hệ thống giống rau, hoa, quả, bò sữa lợn nạc và thuỷ sản; khu nông nghiệp công nghệ cao; chế biến nông sản; hỗ trợ vùng chuyển đổi sản xuất hàng hoá, trang trại; nâng cấp điện và giao thông nông thôn; phát triển làng nghề mới, làng nghề truyền thống; nước sạch nông thôn.

- Cơ chế đầu tư: Nhà nước tập trung đầu tư cho sản xuất giống, thuỷ lợi khuyến nông. Hỗ trợ khu công nghiệp vừa và nhỏ, phát triển làng nghề, khu nông nghiệp công nghệ cao. Khuyến khích các doanh nghiệp bỏ vốn chế biến nông sản, xây dựng chợ. Huy động dân làm giao thông và đường điện nông thôn, mở rộng cấp 3. Ưu tiên vay vốn và hỗ trợ lãi suất phát triển bò sữa, lợn nạc, hoa, rau.

- Cơ chế huy động vốn; gồm: Ngân sách nhà nước, thực hiện dự án tạo vốn từ quỹ đất; khuyến khích các thành phần kinh tế kể cả nước ngoài đầu tư, đóng góp; vay vốn ODA, WB và xây dựng các quỹ.

- Thực hiện cải cách để đảm bảo hiệu quả trong đầu tư.

### ***3.3.4. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ và phát triển thị trường nông sản***

+ Đẩy mạnh quy hoạch và phân vùng sản xuất hàng hoá các cây, con mũi nhọn theo lợi thế từng vùng.

+ Tăng cường xúc tiến thương mại, thông tin thị trường nông sản.

+ Xây dựng hệ thống lưu thông, phân phối và tiêu thụ nông sản, gồm: chợ đầu mối, chợ và trung tâm thương mại nông thôn, trung tâm giới thiệu nông sản chất lượng cao, cửa hàng bán rau sạch, thịt sạch.

+ Củng cố và nâng cao chất lượng các HTX NN làm dịch vụ sản phẩm đầu vào và tiêu thụ nông sản cho nông dân.

+ Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cho nông dân sản xuất, tiêu thụ nông sản qua hợp đồng theo quyết định 80/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ và liên kết 4 nhà: Nhà nước - nhà nông – nhà khoa học - nhà doanh nghiệp.

+ Phát triển công nghiệp chế biến nông sản, tạo vùng nguyên liệu.

+ Hỗ trợ đầu vào cho sản xuất bằng trợ giá giống vật tư, xây dựng kết cấu hạ tầng vùng sản xuất hàng hoá, hỗ trợ khi bị thiên tai, miễn giảm thuế

+ Hỗ trợ đầu ra bằng trợ giá sản phẩm, tổ chức bảo hiểm sản xuất.

### ***3.3.5. Hoàn thiện chính sách khuyến khích chuyển giao và áp dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất, chế biến nông lâm sản.***

Luận án đã trình bày nội dung chuyển giao công nghệ, mục tiêu chính sách và đề xuất:

- Tiến hành bảo hộ quyền tác giả, sở hữu công nghiệp, xác định giá trị công nghệ chuyển giao, miễn giảm thuế, ưu đãi sử dụng đất và tín dụng...

- Khuyến khích doanh nghiệp, hộ nông dân phát triển nhiều giống NN tốt cung cấp cho Hà Nội và các tỉnh để nâng cao giá trị, hàm lượng chất xám và dịch vụ trong nông sản

- Chính sách chuyển giao công nghệ thông qua hoạt động khuyến nông, lập Quỹ khuyến nông.

- Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động khoa học phục vụ nông nghiệp, chế biến nông sản.



### ***3.3.6. Đổi mới và hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp theo hướng đa dạng hoá loại hình, tự nguyện, phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất***

Luận án đã phân tích nhận thức về: hình thức tổ chức, tính tự nguyện, đa dạng, mục tiêu phục vụ của HTX. Đồng thời đề xuất các giải pháp chính:

+ **Đổi mới tổ chức và hoạt động Hoá NN hiện nay:** Đối với những HTX hoạt động có hiệu quả thì củng cố, thực hiện các chính sách khuyến khích, bổ sung thêm ngành nghề dịch vụ, trả thù lao cho cán bộ HTX theo kết quả kinh doanh... Tổ chức lại những HTX hoạt động kém hiệu quả: Đăng ký lại xã viên, điều chỉnh qui mô, loại hình, khuyến khích hình thành các tổ hợp tác tự nguyện. Xử lý những tồn tại về vốn, quỹ, tài sản và thực hiện tốt quản lý tài chính trong HTX.

+ **Tổ chức loại hình hợp tác mới:** Khuyến khích các tổ, liên hộ gia đình hợp tác tổ chức sản xuất rau sạch, bò sữa, lợn nạc; các doanh nghiệp, tư nhân hợp tác đầu tư với nông dân tạo vùng nguyên liệu, thực hiện tốt Nghị quyết 80/CP của Chính phủ và liên kết 4 nhà: Nhà nước, nhà nông, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp.

+ **Thực hiện chính sách khuyến khích HTX NN về tài chính, tín dụng, xoá các khoản nợ của HTX.** Hỗ trợ vốn và có chính sách thoả đáng đối với cán bộ HTX.

### **3.4. Tổ chức thực hiện các chính sách kinh tế phát triển nông nghiệp, nông thôn ngoại thành Hà nội theo hướng CNH, HĐH.**

Luận án đã khẳng định sự cần thiết và trình bày chi tiết các bước thực hiện để đảm bảo chính sách thành công.

#### ***3.4.1. Công tác chuẩn bị triển khai chính sách, gồm các khâu:***

Phân công trách nhiệm cơ quan và tổ chức bộ máy thực thi chính sách, xây dựng kế hoạch triển khai, ra văn bản hướng dẫn thực hiện, tổ chức tập huấn tác nghiệp.

#### ***3.4.2. Triển khai thực hiện chính sách, bao gồm:***

Tổ chức tuyên truyền; hướng dẫn xây dựng, tổ chức thẩm định, đánh giá, phê duyệt và quản lý các phương án, đề án và dự án kinh tế của chính sách, triển khai hoạt động các quỹ, ngân hàng, các tổ chức sự nghiệp và dịch vụ phục vụ chính sách.

### ***3.4.3. Tổ chức kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chính sách***

Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện: hiệu lực và hiệu quả của chính sách; yêu cầu phải điều chỉnh, bổ sung về mục tiêu, giải pháp và điều kiện thực hiện...

### ***3.4.4. Tổng kết công tác triển khai chính sách***

Đánh giá lại toàn bộ mục tiêu, yêu cầu, nội dung, cái được, chưa được, nguyên nhân và kiến nghị, đề xuất.

## **KẾT LUẬN**

Chính sách kinh tế có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn. Việc xây dựng, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các chính sách kinh tế phù hợp với từng giai đoạn phát triển là yêu cầu khách quan trong quá trình tổ chức quản lý đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Luận án đã tập trung giải quyết những nội dung cơ bản sau đây:

1. Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về vai trò nông nghiệp, nông thôn; những chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước ta đối với nông nghiệp, nông thôn qua các thời kỳ, đặc biệt thời kỳ đổi mới; những kinh nghiệm của một số nước và ở thành phố Hồ Chí Minh trong việc hoạch định và thực thi các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn.

2. Hệ thống hoá và đưa ra khái niệm chính sách kinh tế nông nghiệp, nông thôn, các nhân tố tác động tới chính sách kinh tế, quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách và phân tích tác động của chính sách kinh tế đối với kinh tế nông nghiệp, nông thôn ở Hà Nội thời gian qua.

3. Luận án đã xác định nội dung và nhiệm vụ CNH, HĐH nghề nghiệp, nông thôn Hà Nội đến 2010; các hình thức sản xuất nông nghiệp hàng hoá và xây dựng nền nông nghiệp đô thị, sinh thái ở thủ đô Hà Nội.

4. Căn cứ vào định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn Hà Nội, những yêu cầu đặt ra trong quản lý nhà nước, luận án đã đề xuất bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện 6 chính sách kinh tế cơ bản để thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH, HĐH; xây dựng nền nông nghiệp đô thị: sinh thái ở ngoại thành Hà Nội.

Đồng thời, luận án cũng đã phân tích các bước tổ chức thực hiện, nhằm biến các chính sách thành những kết quả trên thực tế, thực hiện những mục tiêu đã đặt ra.

Là một bộ phận quan trọng trong cơ cấu kinh tế - xã hội của thành phố.

Do vậy, cần thiết và cấp bách phải thực hiện đồng bộ các chính sách kinh tế thúc đẩy kinh tế nông nghiệp, nông thôn ngoại thành phát triển. Kết quả của luận án hy vọng sẽ góp phần tích cực vào thực hiện mục tiêu đề ra.

### CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Tiến Dĩnh (1999), "Mục tiêu giải pháp chủ yếu thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá NN, NT Hà Nội" - *Tạp chí NN- Công nghiệp thực phẩm*, (7), Tr 284, 285.
2. Nguyễn Tiến Dĩnh (1999) " Khoa học công nghệ với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá NN, NT Thủ đô". *Tạp chí NN- Công nghiệp thực phẩm*, (7), Tr 285, 286, 287.
3. Nguyễn Tiến Dĩnh (1999) " Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm ở Hà Nội ", *Tạp chí NN- Công nghiệp thực phẩm*, (7), Tr 289, 290, 291.
4. Nguyễn Tiến Dĩnh (1999) chính sách khoa học công nghệ để công nghiệp hoá, hiện đại hoá NN: NT Hà Nội". *Tạp chí Kinh tế' NN* (7 (13)), Tr 15, 16, 17.
5. Nguyễn Tiến Dĩnh (1999) " Thực trạng và giải pháp để thực hiện công nghiệp hoá- hiện đại hoá NN, NT Hà Nội". *Tạp chí Kinh tế' NN*. (12 (18)), Tr 37, 38, 39.
6. Nguyễn Tiến Dĩnh (2000), "Đổi mới chính sách để thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá NN, NT Hà Nội", *Tạp chí Thăng Long- Khoa học và công nghệ* (1), Tr 10, 11, 12.
7. Nguyễn Tiến Dĩnh (2000) “ Những giải pháp chính thúc đẩy NN, NT Hà Nội theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá", *Tạp chí kinh tế*, (7(25)), Tr 14, 20.
8. Nguyễn Tiến Dĩnh (2000), " Giải pháp chính sách để thúc đẩy sản xuất hàng hoá trong NN, NT Hà Nội " *Tạp chí Thăng Long- Khoa học công nghệ* , (1), Tr 16, 17.

9. Nguyễn Tiến Dĩnh (2000) " Hà Nội phát triển chăn nuôi và thuỷ sản theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá ", *Tạp chí Khoa học công nghệ chăn nuôi*, (5,32). Tr 5, 6.